

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày 28 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

1. Mục tiêu.....	1
1.1. Mục tiêu chung:.....	1
1.2 Mục tiêu cụ thể:.....	1
2. Chuẩn đầu ra.....	2
2.1 Kiến thức.....	2
2.2. Kỹ năng	3
2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm.....	4
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	5
4. Đối tượng tuyển sinh.....	5
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	5
6. Cách thức đánh giá.....	5
7. Nội dung chương trình	5
8. Hướng dẫn thực hiện:.....	21

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Ngôn Ngữ Anh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Ngôn Ngữ Anh; Mã số: 7220201**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Đại học ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo sinh viên sau khi ra trường có phẩm chất chính trị vững vàng, có lập trường chính trị kiên định, có kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức phù hợp, thích nghi để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa đồng thời có khả năng thích ứng cao với những thay đổi nhanh của nền kinh tế hiện nay hội nhập khu vực và quốc tế.

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có năng lực chuyên môn tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ đi theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực được đào tạo. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành ngôn ngữ Anh đạt được các mục tiêu sau:

a. Hiểu biết chính trị và pháp luật tốt, có kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin, nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Hiểu biết cơ bản về văn học, văn hóa, văn minh của các nước nói tiếng Anh, về lịch sử, văn hóa các nước Asean và kiến thức nền tảng vững vàng về ngôn ngữ học.

c. Giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống xã hội.

d. Có được các kỹ năng cơ bản về biên phiên dịch trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về tài nguyên - môi trường.

e. Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH, đối chiếu ngôn ngữ, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để có thể vươn lên những bậc học cao hơn.

f. Có khả năng sử dụng được một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc, dịch tài liệu.

g. Nắm vững một số kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp: Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, khả năng tư duy phản biện, thu thập thông tin, vv..., và đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.

h. Có khả năng thích ứng được với các môi trường làm việc đa dạng như thương mại, du lịch, văn phòng, sản xuất, nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

** Kiến thức chung:*

2.1.1. Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng để áp dụng vào quá trình thực hành nghề nghiệp.

2.1.2. Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội phù hợp với ngành đào tạo, biết cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng.

2.1.3. Có khả năng phát âm tiếng Anh tương đối rõ ràng và chính xác, có kiến thức cơ bản và nâng cao về ngữ pháp tiếng Anh, thực hiện được một kế hoạch nghiên cứu khoa học về giáo dục hoặc ngôn ngữ Anh.

2.1.4. Hiểu và ứng dụng ngôn ngữ Anh trong giao tiếp theo ngữ cảnh hiệu quả, có kiến thức cơ bản về ngữ âm, âm vị học, hình thái học, ngữ nghĩa học, diễn ngôn tiếng Anh. Nắm vững các kiến thức về thuật ngữ để phân tích văn chương viết bằng tiếng Anh một cách cơ bản.

2.1.5. Có kiến thức về địa lí, chính trị, lịch sử, nền giáo dục, người dân, những lễ hội truyền thống và một số nét văn hóa đặc trưng của nước Mỹ, Vương quốc Anh, văn hóa các nước ASEAN.

2.1.6. Có kiến thức và năng lực thực hành một ngoại ngữ thứ 2 như Pháp, Nhật, Hàn hoặc Trung ở trình độ sơ cấp và tiên trung cấp.

** Kiến thức chuyên môn*

2.1.7. Phát triển và ứng dụng kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết tiếng Anh giao tiếp trình độ tiền trung cấp đến cao cấp.

2.1.8. Phát triển và thực hành các kỹ năng và chiến thuật dịch thuật (Anh - Việt, Việt - Anh) trình độ trung cấp đến nâng cao.

2.1.9. Phát triển kỹ năng sử dụng và ứng dụng tiếng Anh giao tiếp trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về ngành tài nguyên - môi trường trình độ trung cấp đến nâng cao.

2.1.10. Có khả năng đọc hiểu và phân tích các tác phẩm văn học Anh và Mỹ trình độ cơ bản tới nâng cao.

2.1.11. Có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề, vận dụng linh hoạt và phù hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích và xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

2.2.1. Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

Có khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) tương đương bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ.

2.2.2. Theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện sôi nổi, những tranh luận hay những bài nói dài, lập luận mang tính trừu tượng giữa những người bản ngữ.

2.2.3. Có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2.4 Có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo.

2.2.5. Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.

2.2.6. Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

** Kỹ năng chuyên môn*

2.2.7. Có khả năng biên dịch các loại văn bản, bài tạp chí, bài báo, truyện, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh.

2.2.8. Vận dụng linh hoạt các kỹ thuật phiên dịch, đảm bảo dịch đúng và đủ nội dung cần phiên dịch.

2.2.9. Hiểu và ứng dụng cách viết văn bản, dịch thuật đơn thư và thư từ giao dịch thương mại bằng tiếng Anh.

2.2.10. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình đáp ứng được yêu cầu và nâng cao chất lượng công việc.

2.2.11. Hiểu và ứng dụng các nguồn lực, công nghệ và phương tiện để nâng cao hiệu quả công việc.

2.2.12. Nhận ra nhu cầu tự phát triển nghề nghiệp, tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả của công việc.

2.2.13. Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới, kỹ năng tư duy phản biện.

2.3. Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phối hợp, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn để hoàn thành công việc đúng thời gian, hiệu quả trong quá trình làm việc theo nhóm.

2.3.2. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

2.3.3. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác;

2.3.4. Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

2.3.5. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp;

2.3.6. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (<i>Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN</i>)	33	24.8%
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	100	75.1%
• Kiến thức cơ sở ngành	13	9.8%
• Kiến thức ngành và chuyên ngành	75	56.4%
+ <i>Bắt buộc:</i>	42	31.6%
+ <i>Tự chọn:</i>	33	24.8%
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12	9.0%

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của BGDĐT và của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

Ký hiệu: - *LT: Lý thuyết;*

- *TH, TT: Thực hành, Thực tập*

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		33					
1.1	Các học phần chung		19					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.	20	10	60	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	20	10	60	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).	21	9	60	
6	NNTA104	Tiếng Trung 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.	25	20	90	
7	NNTA105	Tiếng Trung 2	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức sâu hơn về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng và có khả năng vận dụng để biểu đạt thành đoạn văn của người học.	15	30	90	
8	NNTA106	Tiếng Trung 3	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp và có thể sử dụng được trong những tình huống nhất định và làm quen với các dạng bài thi quốc tế theo định hướng HSK.	15	15	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
9		Giáo dục thể chất	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:</p> <p>* Phần bắt buộc (3TC)</p> <p>(1) Thẻ dục (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.</p> <p>(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.</p> <p>(3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bơi lội, Bóng đá, Đá cầu, Thẻ dục Aerobic.</p>				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
1.2	Các học phần bắt buộc của trường		6					
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về về phòng, chống tham nhũng, và vận dụng những	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.				
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	19	11	60	
13	NNTA107	Kỹ năng mềm	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm và có thể vận dụng những kỹ năng đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn, phát huy hiệu quả năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp.	17	13	60	
1.3 Các học phần của ngành			8					
14	NNTA108	Tiếng Việt thực hành	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Việt, quá trình hình thành và phát triển tiếng Việt, đặc điểm loại hình, các quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt, đặc điểm cấu tạo từ và câu tiếng Việt, đặc trưng của văn bản, các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt.	18	27	90	
15	LCLS102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				lỗi và hệ thống về cơ sở văn hóa Việt Nam, bao gồm: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội, đồng thời có thể vận dụng những kiến thức của văn hóa Việt trong các hoạt động chuyên môn và cuộc sống.				
16	NNTA109	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nhớ các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài và viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.	25	20	90	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		100					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		13					
17	NNTA110	Kỹ năng thuyết trình	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình, biết vận dụng mẫu câu, cụm từ, biểu bảng, phân tích...trong các hoạt động làm bài tập nhóm hay phát triển kỹ năng làm việc độc lập.	6	24	60	
18	NNTA111	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, các loại câu điều kiện, câu bị động, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thức giả định, mệnh đề quan hệ, câu gián tiếp, danh động từ và động từ, và có thể vận dụng vào quá trình làm bài tập	10	35	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				cũng như vận dụng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.				
19	NNTA112	Kỹ năng tư duy phản biện	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.	12	18	60	
20	NNTA113	Dẫn luận ngôn ngữ	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản của bốn lĩnh vực cơ bản nhất của ngôn ngữ học đó là Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh (miêu tả, phân loại nguyên âm, phụ âm, cấu trúc âm tiết, trọng âm và các biến đổi âm trong chuỗi lời nói), Hình vị học (phân loại hình vị, các cách cấu tạo từ), Cú pháp học (học các loại từ, cụm từ, mệnh đề và câu) và Ngữ nghĩa học (các mối quan hệ về nghĩa).	13.5	16.5	60	
21	NNTA114	Lý thuyết dịch	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm biên dịch và các nghiên cứu về ngành biên dịch, phân tích văn bản gốc, các phương pháp biên dịch, quy trình biên dịch, các biện pháp phổ biến áp dụng trong ngành biên dịch, ngoài ra, sinh viên còn có kiến thức về khái niệm về phiên dịch, nhiệm vụ của phiên dịch viên, các loại hình phiên dịch, chuẩn mực đạo đức nghề dịch.	13	17	60	
22	NNTA115	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn	9	21	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				xin việc bằng tiếng Anh và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động.				
2.2	Kiến thức ngành (Bao gồm cả kiến thức chuyên ngành)							
	Các học phần bắt buộc:			42				
23	NNTA116	Nghe-Nói 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính...và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	12	33	90	
24	NNTA117	Đọc-Viết 1	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc - Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu).	10.5	34.5	90	
25	NNTA118	Nghe-Nói 2	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v...và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	13	47	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
26	NNTA119	Đọc-Viết 2	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc-Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu) và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	18	42	120	
27	NNTA120	Nghe-Nói 3	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v....và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	16	44	120	
28	NNTA121	Đọc-Viết 3	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (Đọc, Viết) từ bài 1 đến bài 8 trong giáo trình Mindset 1 và có thể vận dụng cho việc học chuyên sâu ở các học phần sau.	26	34	120	
29	NNTA122	Nghe-Nói 4	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc chuyên sâu để trình bày các chủ đề và tình huống khác nhau: văn hóa, môi trường, giáo dục, giao thông, thông tin đại chúng, du lịch,...và có những kỹ năng thực	16	44	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				hành tiếng để sử dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.				
30	NNTA123	Đọc-Viết 4	4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để vận dụng vào các mục đích khác nhau như học thuật, chuyên môn và có cơ hội rèn luyện kỹ năng Đọc và Viết mức độ trên trung cấp (trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu) với các chủ đề đa dạng thông qua các nhiệm vụ học tập và chiến lược làm bài thi IELTS.	16	44	120	
31	NNTA124	Nghe-Nói 5	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, diễn đạt các nội dung giao tiếp sử dụng văn phong trang trọng trong các tình huống giao tiếp thường nhật và các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp; nghe hiểu và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài phát biểu trên phương tiện đại chúng, hoặc các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp có nội dung về các vấn đề kinh tế, khoa học, xã hội,...	9.5	35.5	90	
32	NNTA125	Đọc-Viết 5	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề như: đời sống, sức khỏe, nghệ thuật và kiến trúc, tài chính và doanh nghiệp, lịch sử; có thể nắm vững cấu trúc, định dạng đề thi theo định hướng IELTS; vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.	10	35	90	
33	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết thêm một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như câu hỏi láy	16	29	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				đuôi, câu đảo ngữ và nắm thêm kiến thức ngữ pháp chuyên sâu hơn như động từ và cụm động từ, danh từ và cụm danh từ, cụm tính từ và trạng từ, giới từ và cụm giới từ, câu đơn, câu ghép, sung ngữ, bình ngữ và liên ngữ để có thể cải thiện kỹ năng viết khi học thực hành tiếng.				
34	NNTA127	Ngữ âm – Âm vị học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại, các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/ tone), một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu.	27	18	90	
Các học phần tự chọn:			33/ 47					
35	NNTA128	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc ngành du lịch: điểm đến du lịch, điều hành tour, kích cầu du lịch, đại lí du lịch, phương tiện du lịch, loại hình du lịch, và đặt chỗ trong du lịch,...	8	37	90	
36	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, địa lý, lịch	10	35	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội của hai quốc gia Anh – Mỹ và có thể phân tích, nghiên cứu cơ bản các vấn đề văn hóa, xã hội Anh – Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.				
37	NNTA130	Đất nước học Anh Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức về đất nước, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, đời sống hàng ngày của người dân như bằng cách giới thiệu các môn thể thao và lễ hội tại Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.	29.5	15.5	90	
38	NNTA131	Văn học Anh - Mỹ	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về văn học như: cốt truyện (plot), góc nhìn (point of view), nhân vật (character), bối cảnh (setting), chủ đề (theme) và những kiến thức cần thiết để đọc hiểu và viết bài phân tích văn học của các nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ) từ cuối thế kỷ XIX đến nay.	32.5	12.5	90	
39	NNTA132	Biên dịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các bước và các kỹ thuật biên dịch; xác định được các kỹ thuật biên dịch trong dịch thuật văn bản như dịch chuyển đổi cú pháp, dịch diễn giải và dịch cắt tía cũng như xác định được cấu trúc ngữ pháp và giải thích được nghĩa từ vựng khi dịch thuật văn bản, và vận dụng kiến thức đã học để dịch thuật văn bản về các chủ đề thông dụng.	6	39	90	
40	NNTA133	Thực hành biên dịch chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức về dịch thuật, các phương pháp dịch thuật, quy trình dịch	14	31	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				thuật như phân tích, chuyển đổi – tái tạo cấu trúc, , phân biệt và được những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt liên quan đến các chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.				
41	NNTA134	Phiên dịch	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung và có khả năng ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.	25	20	90	
42	NNTA135	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ vai trò và công việc của người phiên dịch trong thực tế, sử dụng những kỹ năng cơ bản của loại hình dịch đũa: ghi chép, ghi nhớ, tóm tắt, diễn giải, hiểu rõ bản chất của môn học và cảm thấy tự tin hơn trong khi thực hành dịch tại lớp cũng như trong thực tế.	14	31	90	
43	NNTA136	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc lĩnh vực kinh tế: quản lý, các loại hình kinh tế, chuỗi cung ứng, chu kỳ sống của sản phẩm, vai trò của tiếp thị, các loại sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng, các loại kế toán và báo cáo tài chính, vai trò của chính phủ đến nền kinh tế và các loại thuế.	12	33	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
44	NNTA137	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành và kiến thức nền liên quan đến các chủ đề như: khoa học môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên năng lượng, đô thị hóa, luật và chính sách môi trường, phát triển bền vững, và có kỹ năng đọc hiểu các văn bản, tài liệu chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn.	9	36	90	
45	NNTA138	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm về ngôn ngữ học đối chiếu, các ứng dụng của ngành khoa học này với lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ, các cách thức để tiến hành công việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu của ngành khoa học này.	32	13	90	
46	NNTA139	Từ vựng học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng.	15.5	29.5	90	
47	NNTA140	Ngữ nghĩa học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được có khả năng nhớ và phân biệt được các khái niệm trong ngữ nghĩa học như các thuộc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, sở chỉ, nghĩa của từ, các hình thái tu từ, bao nghĩa, đồng	22	23	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				nghĩa, trái nghĩa, mệnh đề, câu, phát ngôn, quan hệ kéo theo, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ, trực chỉ và áp dụng những kiến thức đã học vào quá trình học và giao tiếp Tiếng Anh trong cuộc sống.				
48	NNTA141	Ngữ dụng học	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về ngữ dụng học như trực chỉ, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định...để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt.	20	25	90	
49	NNTA142	Văn hóa các nước ASEAN	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN, các thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước và có thể vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.	11	19	60	
50	NNTA143	Tiếng Anh thư tín thương mại	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, vốn từ vựng chuyên ngành thương mại, văn phong, cấu trúc của một bức thư thương mại, cấu trúc ngữ pháp và thuật ngữ liên quan đến thư từ giao dịch trong các lĩnh vực thương mại như: thư hỏi hàng và trả lời, thư đặt hàng và thư liên quan đến việc thực	17.5	27.5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				hiện đơn hàng, thư khiếu nại, thư giải quyết khiếu nại, thư tín liên quan đến tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, vận chuyển, các loại hình giao tiếp điện tử, các báo cáo, thông báo thông qua thư tín được sử dụng trong nội bộ công ty....				
II.3	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					
51	NNTA144	Thực tập tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có cơ hội luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; tăng cường khả năng tiếp cận thực tế.				
52	NNTA145	Khoá luận tốt nghiệp	6					
	<i>Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp</i>							
53	NNTA146	Giao tiếp liên văn hóa	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức liên quan đến các khía cạnh, nguyên tắc chi phối việc giao tiếp trong văn hóa Mỹ, cũng như sự đa dạng văn hóa và quá trình giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau và có thể phân tích, nghiên cứu được các tài liệu học thuật về giao tiếp liên văn hóa.	8	37	90	
54	NNTA147	Phân tích diễn ngôn	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn (bao gồm mối quan hệ chặt chẽ về ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết), và ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng	17	28	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, kỹ năng giao tiếp...				
Tổng cộng			133					

8. Hướng dẫn thực hiện:

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp – gọi chung là khóa luận tốt nghiệp (Tương đương 1 tuần liên tục).

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được 1 tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần khác dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học này được quy định như sau: từ 50 đến 80 sinh viên đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; 30 đến 60 sinh viên đối với những học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác. Trường hợp đặc biệt do nhà Trường quyết định;

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần thể chất, quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

+ Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

+ Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình./.